

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HS-PT

Ngày: 04-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Hương và ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Duy - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024, đối với Nguyễn Thị B và đồng phạm kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị B, sinh năm 1969 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Nhân Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc N và bà Trần Thị M (đều đã chết); có chồng là Trần Ngọc C và 03 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại ngoại - có mặt.

2. Trần Ngọc C, sinh năm 1966 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn 3, xã Nhân Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc M2 và bà Nguyễn Thị Y (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị B và 03 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại ngoại - có mặt.

3. Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: Nguyễn Ngọc T), sinh năm 1977 tại tỉnh Phú Yên; nơi thường trú: thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi tạm trú: thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ

học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M2 (đã chết) và bà Bùi Thị G; vợ là Lê Thị Mỹ L (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: 01 tiền án, cụ thể: tại Bản án số 09/2021/HS-ST ngày 27-01-2021, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xử phạt 07 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số: 49/2012/HS-ST ngày 25-10-2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo; tại Quyết định số 4031/QĐ-XPVPHC ngày 28-11-2019, Công an thành phố Gia Nghĩa phạt 1.500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”, đã chấp hành xong ngày 20-12-2019; đang tại ngoại - có mặt.

4. Huỳnh Thị H2, sinh năm 1988 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P và bà Nguyễn Thị L2; có chồng là Nguyễn Văn L3 (đã ly hôn) và 03 con; tiền án: 01 tiền án, cụ thể: tại Bản án số 52/2021/HS-PT ngày 17-6-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo; tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-02-2023 đến ngày 10-4-2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại - có mặt.

5. Hồ Thúy H3, sinh năm 1986 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Ngọc A và bà Cao Thị Kim H4; có chồng là Phạm Minh D và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 47/2013/HS-ST ngày 06-8-2013, Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp xử phạt 10.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*”; tại Quyết định số 121/QĐ-XPVPHC ngày 25-8-2023, Công an huyện Đắk R’lấp xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”; tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-02-2023 đến ngày 10-4-2023 được tại ngoại - có mặt.

6. Phạm Thị H5, sinh năm 1955 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm K và bà Phan Thị L4 (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Minh C2 và 04 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại ngoại - có mặt.

7. Lê Đức D2, sinh năm 1974 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê D3 và bà Trần Thị L5 (đều đã chết); có vợ là Huỳnh Thị B2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại ngoại - có mặt.

8. Lê Thị H6, sinh năm 1968 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H7 (đã chết) và bà Phạm Thị G; có chồng là Thân Đ và 05 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại ngoại - có mặt.

9. Nguyễn Thị M3, sinh năm 1984 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M4 (đã chết) và bà Huỳnh Thị T; có chồng là Lê Văn N2 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại ngoại - có mặt.

10. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M4 (đã chết) và bà Huỳnh Thị T; có chồng là Lê Văn D3 và 05 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại ngoại - có mặt.

11. Trần Thị T3, sinh năm 1977 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tài A và bà Ngô Thị T (đã chết); chồng là Dương Minh T5 và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số 120/QĐ-XPVPHC ngày 27-5-2017, Công an huyện Đắk R'lấp xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; tại ngoại - có mặt.

12. Lê Thị B3 (tên gọi khác: *Ti*), sinh năm 1977 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H8 (đã chết) và bà Đoàn Thị Đ2; có chồng là Hồ Văn Đ3 và 02 con; tiền án: 01 tiền án, cụ thể: tại Bản án số 52/2021/HS-PT ngày 17-6-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; tiền sự: không; tại ngoại - có mặt.

13. Nguyễn Minh T6, sinh năm 1984 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T7 và bà Ngô Thị Kim N3; có vợ là Nguyễn Thị Mai Thanh K và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số 122/QĐ-XPVPHC ngày 25-8-2023, Công an huyện Đắk R'lấp xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại ngoại - có mặt.

14. Nguyễn Minh X, sinh năm 1977 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh K2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L6; có vợ là Bùi So N4 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại - có mặt.

15. Nguyễn Thị L7, sinh năm 1959 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T7 và bà Trần Thị Đ3 (đều đã chết); có chồng là Hồ Minh H9 (đã chết) và 05 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023 được tại - có mặt.

(Ngoài ra có các bị cáo không kháng cáo)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 26-02-2023, Trần Ngọc C tổ chức sinh nhật và mời một số người đến dự. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, Hồ Thúy H3, Trần Thị H10, Nguyễn Ngọc H và Lê Thị B3 có mặt tại nhà C. Lúc này H3, Trần Thị H10, H và B3 rủ nhau đánh bài tiến lên thắng thua bằng tiền và ra nhà kho phía sau. Trần Thị H10 nói Nguyễn Thị B đưa hai bộ bài tây đem xuống nhà kho để đánh tiến lên; các bị cáo ngồi trên chiếu theo vòng tròn và theo thứ tự là H3, H, Trần Thị H10 và B3. Các bị cáo quy định cách chơi. Người thắng nhất được 40.000 đồng, người thắng nhì được 20.000 đồng, người thua ba mất 20.000 đồng, thua bét mất 40.000 đồng, cá “Xi” mỗi quân 20.000 đồng, bị “chặn” hoặc “thúi” quân “heo” (quân bài số 2) màu đỏ thì thua 20.000 đồng, màu đen thì thua 10.000 đồng.

Đến khoảng 13 giờ Nguyễn Thị M3, Nguyễn Thị L7, Lê Đức D2, Huỳnh Thị H2, Phạm Thị H5, Nguyễn Thị T2, Lê Thị H6, Nguyễn Minh X, Trần Thị T3, Lê T8 đến. Các bị cáo chuyển sang chơi xóc đĩa thắng thua bằng tiền, Lê Thị B3 hết tiền và đi về trước. Nguyễn Thị B lấy 01 bát sù, 01 đĩa sù và 01 kéo kim loại đưa xuống nhà kho cho các bị cáo cắt quân vị; H3 cắt quân vị, quy định cách chơi và đánh bạc được thua bằng tiền với nhau. Người đặt tiền sẽ tính thắng thua tiền với người cầm cái hoặc với người mua cái. Đến 15 giờ 30 phút ngày 26-02-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R’lấp phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc và trong người các bị cáo tổng số tiền là 19.455.000 đồng.

Số tiền của từng người mang theo và sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau: H cầm cái có 1.000.000 đồng, thắng khoảng 1.000.000 đồng và để khoảng 1.700.000 đồng dưới chiếu, khi bỏ chạy mang theo 300.000 đồng. H3 có

khoảng 520.000 đồng chơi xóc đĩa, khi bị bắt còn lại 130.000 đồng, thua khoảng 370.000 đồng. M3 có khoảng 1.500.000 đồng, khi bị bắt còn lại 1.150.000 đồng, thua 350.000 đồng. L7 có khoảng 2.200.000 đồng, khi bị bắt còn 2.040.000 đồng, thua 160.000 đồng. D2 có 700.000 đồng, khi bị bắt có 5.500.000 đồng, thắng khoảng 4.800.000 đồng. Quá trình chơi xóc đĩa D2 cho Lê Thị H6 mượn 30.000 đồng để mua xăng. Huỳnh Thị H2 có 200.000 đồng, chơi được 05 đến 06 ván thì thua hết tiền. T2 có khoảng 5.005.000 đồng, khi bị bắt có 6.165.000 đồng, thắng khoảng 1.160.000 đồng. T6 có 200.000 đồng còn lại sau khi đánh tiến lên chuyển sang chơi xóc đĩa và bị thua hết tiền; khi X đặt cược hai lần, mỗi lần 400.000 đồng xuống chiếu bạc thì T6 nhận cược riêng với X và thua cả hai lần nên nợ X 800.000 đồng. Phạm Thị H5 có 200.000 đồng, khi bị bắt đã thua hết tiền. X có 300.000 đồng, quá trình chơi X đặt cược riêng với T6 02 lần, mỗi lần 400.000 đồng và đều thắng nhưng T6 còn nợ. Trần Thị H10 khi chơi tiến lên có 830.000 đồng và thua 610.000 đồng còn lại 220.000 đồng chuyển sang chơi xóc đĩa nhưng quá trình điều tra bị cáo khai không tham gia chơi xóc đĩa. Trần Thị H10, H3, Hùng, T6 và B3 đánh bạc dưới hình thức chơi tiến lên với tổng số tiền là 2.150.000 đồng. C và B không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đồng ý để các bị cáo khác đánh bạc tại nhà do mình quản lý và được nhận tiền xâu, trong đó B đã nhận 700.000 đồng, C đi lại bên ngoài canh gác cảnh giới, khóa cổng cho các bị cáo đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị B và Trần Ngọc C phạm tội "*Gá bạc*", Nguyễn Ngọc H, Huỳnh Thị H2, Hồ Thúy H3, Lê Thị B3, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Minh T6, Trần Thị T3, Nguyễn Thị M3, Lê Đức D2, Lê Thị H6, Phạm Thị H5, Nguyễn Minh X và Nguyễn Thị L7 phạm tội "*Đánh bạc*".

Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị B 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Ngọc C 01 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Ngọc H 01 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Huỳnh Thị H2 09 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt Hồ Thúy H3, Lê Thị B3 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt Nguyễn Thị T2 09 tháng tù; Nguyễn Minh T6, Trần Thị T3 08

tháng tù; Nguyễn Thị M3 07 tháng tù; Lê Đức D2, Lê Thị H6, Phạm Thị H5, Nguyễn Minh X và Nguyễn Thị L7 06 tháng tù.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, thông báo quyền kháng cáo.

Các ngày 30-11, 05-12, 11-12 và 13-12-2023 các bị cáo Nguyễn Thị B và Trần Ngọc C kháng cáo xin áp dụng hình phạt tiền hoặc xin hưởng án treo; Nguyễn Ngọc H xin giảm nhẹ hình phạt; Huỳnh Thị H2, Hồ Thúy H3, Lê Thị B3, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Minh T6, Trần Thị T3, Nguyễn Thị M3, Lê Đức D2, Lê Thị H6, Phạm Thị H5, Nguyễn Minh X và Nguyễn Thị L7 xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp xử phạt bị cáo về tội danh theo quy định của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của Lê Thị B3, Nguyễn Ngọc Hùng, Huỳnh Thị H2, Trần Thị T3, Hồ Thúy H3 và Nguyễn Minh T6. Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị B và Trần Ngọc C, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị B 01 năm tù, áp dụng khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự giữ nguyên hình phạt nhưng cho Trần Ngọc C được hưởng án treo. Áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giữ nguyên hình phạt cấp sơ thẩm nhưng cho Nguyễn Thị T2, Nguyễn Thị M3, Nguyễn Thị L7 được hưởng án treo. Áp dụng Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Thị H5, Nguyễn Minh X, Lê Đức D2 và Lê Thị H6 mỗi bị cáo từ 20.000.000 đến 25.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp kết án Nguyễn Thị B và Trần Ngọc C phạm tội "*Gá bạc*"; Nguyễn Ngọc Hùng, Huỳnh Thị H2, Hồ Thúy H3, Lê Thị B3, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Minh T6, Trần Thị T3, Nguyễn Thị M3, Lê Đức D2, Lê Thị H6, Phạm Thị H5, Nguyễn Minh X và Nguyễn Thị L7 phạm tội "*Đánh bạc*" là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm có nhầm lẫn, cụ thể: Việc xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh tiền lên và đánh xóc đĩa để xử lý từng lần là

chưa chính xác, vì hành vi đánh bạc của các bị cáo mang tính liên tục, kế tiếp nhau nên số tiền đánh bạc là tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh tiền lên và đánh xóc đĩa. Trong vụ án này, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc dưới 20.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “*Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B và C là chưa chính xác. Đồng thời, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc C và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H là chưa chính xác. Hành vi phạm tội của Lê Thị B3 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc (tổng số tiền đánh tiền lên và xóc đĩa), việc xử lý hành vi của B3 đối với số tiền đánh tiền lên là không đúng. Cấp phúc thẩm nêu ra để rút kinh nghiệm.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1]. Đối với Nguyễn Thị B và Trần Ngọc C: Do Tòa án cấp sơ thẩm có nhầm lẫn trong việc xác định số tiền dùng vào việc đánh bạc, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên xử phạt Nguyễn Thị B 01 năm 06 tháng tù và Trần Ngọc C 01 năm tù về tội “*Gá bạc*” có phần nghiêm khắc. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, C cung cấp các chứng cứ mới như: Giấy khen của Ủy ban nhân dân trong quá trình sinh hoạt tại Hội Cựu chiến binh xã Đạo Nghĩa; hộ gia đình C, B có hoàn cảnh khó khăn; số tiền hưởng lợi không lớn; hai bị cáo là vợ chồng nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo C hưởng án treo và giảm một phần hình phạt đối với bị cáo B.

[2.2]. Đối với Lê Thị H6, Lê Đức D2, Nguyễn Minh X, Phạm Thị H5, Nguyễn Thị L7, Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Thị M3 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vai trò trong vụ án thấp. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, H6, D2, X, L7 và Thủy cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Hạnh lớn tuổi, sức khỏe yếu, số tiền đánh bạc của các bị cáo ít nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, phạt tiền đối với D2, X, Hạnh, H6; giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo T2, L7, M3 hưởng án treo.

[2.3]. Đối với Hồ Thuý H3 và Trần Thị T3, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vai trò trong vụ án thấp, bị cáo T3 đang nuôi các cháu còn nhỏ nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo giảm hình phạt.

[2.4]. Đối với Nguyễn Ngọc H, Huỳnh Thị H2, Lê Thị B3 đều có tiền án, vai trò cao hơn các bị cáo khác, Nguyễn Minh T6 tham gia từ đầu; không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Tuy nhiên đối với một số bị cáo, cần đánh giá vai trò và số tiền dùng để đánh bạc nên cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo của Nguyễn Thị B, Trần Ngọc C, Hồ Thúy H3, Nguyễn Thị T2, Trần Thị T3, Nguyễn Thị M3, Lê Đức D2, Lê Thị H6, Phạm Thị H5, Nguyễn Minh X và Nguyễn Thị L7 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí. Kháng cáo của Nguyễn Ngọc H, Huỳnh Thị H2, Lê Thị B3 và Nguyễn Minh T6 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, đ và e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Ngọc Hùng, Huỳnh Thị H2, Lê Thị **B3**, Nguyễn Minh T6. Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị B, Trần Ngọc C, Hồ Thúy H3, Nguyễn Thị T2, Trần Thị T3, Nguyễn Thị M3, Lê Đức D2, Lê Thị H6, Phạm Thị H5, Nguyễn Minh X và Nguyễn Thị L7 sửa Bản án sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28-11-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp về hình phạt và điều luật áp dụng.

1.1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị B** 01 năm tù về tội “*Gá bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Ngọc C** 01 năm tù về tội “*Gá bạc*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 04-4-2024).

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc H** 01 năm 03 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị H2** 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-02-2023 đến ngày 10-4-2023.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Thị B3** 08 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T6** 08 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27-02-2023 đến ngày 08-3-2023.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hồ Thúy H3** 06 tháng về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-02-2023 đến ngày 10-4-2023.

1.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị T3** 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Lê Đức D2, Nguyễn Minh X, Phạm Thị H5 và Lê Thị H6** mỗi bị cáo 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng sung quỹ Nhà nước về tội “*Đánh bạc*”.

1.10. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T2** 09 tháng về tội “*Đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 04-4-2024).

1.11. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L7** 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 04-4-2024).

1.12. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt **Nguyễn Thị M3** 07 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 04-4-2024).

Giao các bị cáo Trần Ngọc C, Nguyễn Thị L7 cho Ủy ban nhân dân xã N và Nguyễn Thị T2 Ủy ban nhân dân xã N, Nguyễn Thị M3 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên theo Luật thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Ngọc H, Huỳnh Thị H2, Lê Thị B3 và Nguyễn Minh T6 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKTI);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R’Lấp;
- VKSND huyện Đắk R’Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R’Lấp;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk R’Lấp;
- CQTHAHS Công an huyện Đắk R’Lấp;
- UBND xã Đạo Nghĩa; Nhân Đạo;
- Các bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Vinh